TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh N1c**
Số: 27/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 08 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn 6- xã L- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu P**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn 6- xã L- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim X và anh Nguyễn Hữu P.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Nguyễn Hữu P thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 16/3/2001 và cháu Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 01/01/2009 cho anh Nguyễn Hữu P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Thị Ánh N2, sinh ngày 09/12/1998 đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Nguyễn Hữu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Chị Nguyễn Thị Kim X phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005076 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị Kim X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND, Chi cục THADS huyện B;
-UBND phường M, TP G;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường